TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2025/DS-PT
Ngày 21 - 5 - 2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng
Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước
Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Điểu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2025/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 252/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Mỹ L: Anh Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A, Phạm Hữu L1, Khóm C, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Trần Bùi Chí T1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1954.

3.2. Bà Huỳnh Thị Huỳnh G, sinh năm 1981.

3.3. Chị Huỳnh Thị Diệu M, sinh năm 1989.

3.4. Anh Huỳnh Thiện T2, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ trụ sở: Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Mỹ L là nguyên đơn trong vụ án.

(Anh T có mặt; Ông T1, UBND huyện T có văn bản đề nghị vắng mặt; Ông P, bà G, chị M, anh T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trước đây là của bà Cao Thị Thúy K. Vào ngày 21/4/2014, bà K lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà Phan Thị Kim N ngang 30m, dài 10m, diện tích 300m^2, đất ONT, thuộc thửa đất số 2518, tờ bản đồ số 04. Có vị trí: Hướng Đông giáp bà Trà G1; Hướng Tây giáp bà Hồ Thị Đ; Hướng Nam giáp mương lộ; Hướng Bắc giáp đường H với giá 150.000.000 đồng. Bà N đã trả đủ số tiền chuyển nhượng cho bà K và nhận đất.

Ngày 16/5/2014, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị Kim N đứng tên, ngày 20/12/2016 bà N chết. Đầu năm 2022 gia đình đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập thủ tục chia di sản thừa kế, khi gia đình cùng chính quyền địa phương đo đạc khảo sát thực tế diện tích đất trên thì được biết diện tích đất của bà N đã cấp cho ông Trần Bùi Chí T1 trùng diện tích 300m^2, đất ONT, ngang 30m, dài 10m, thửa đất số 2518, tờ bản đồ số 04, do ông T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nay bà L yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1 trả lại diện tích 300m^2, đất ONT, thửa đất số 2518, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bị đơn ông Trần Bùi Chí T1 trình bày:

Vào ngày 19/10/2022, bà Huỳnh Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu thu hồi diện tích 300m^2, đất ONT, chiều ngang 30m, chiều dài 10m, thuộc thửa đất số 2518, có vị trí: Hướng Đông giáp bà Trà G1; Hướng Tây giáp bà Hồ Thị Đ; Hướng Nam giáp mương lộ; Hướng Bắc giáp đường H và yêu cầu ông T1 trả diện tích 300m^2, đất tọa lạc tại ấp M, xã M huyện T, tỉnh Đồng Tháp không đồng ý. Vì vào ngày 24/3/2022 ông T1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Lê Thị M1 các thửa đất gồm: Thửa đất số 92, diện tích 800m^2 (trong đó diện tích đất ở tại nông thôn 200m^2 và diện tích trồng cây lâu năm 500m^2); Thửa đất số 181, diện tích 231,2m^2, đất trồng cây lâu năm; Thửa đất số 180, diện tích 279,9m^2, đất trồng

cây lâu năm; Thửa đất số 141, diện tích 1.249,5m^2, đất chuyên trồng lúa nước, cùng tờ bản đồ số 44 và thửa đất số 930, tờ bản đồ số 08, diện tích 8.396,7m^2, đất chuyên trồng lúa nước. Việc nhận chuyển nhượng là hoàn toàn hợp pháp, đúng quy định pháp luật đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị Huỳnh G, chị Huỳnh Thị Diệu M, anh Huỳnh Thiện T2 trình bày: Không có văn bản ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T có văn bản ý kiến: Xin vắng các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 252/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử:

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ L.

- Ông Trần Bùi Chí T1 được tiếp tục sử dụng diện tích đo thực tế 279,9m^2, thửa 180, tờ bản đồ số 05 (bản đồ chính quy). Do hộ ông T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/6/2024 và Sơ đồ đo đạc thực tế ngày 01/7/2022 của Công ty TNHH D1 ngày 01/7/2024.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí tố tụng số tiền 1.884.000 đồng bà L đã chi xong.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ L phải nộp 9.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền đã nộp 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0008422, ngày 25/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Bà L phải nộp tiếp 5.250.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 11/10/2024, bà Huỳnh Thị Mỹ L kháng cáo yêu cầu xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm số: 252/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Vĩnh T là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày vẫn giữ kháng cáo: Tại bản án sơ thẩm ở mục 6 của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm nhận định đất của bà L không có giáp ranh với ông Út Gà T3, anh xác định giáp ranh ông Nguyễn Văn Ú (tên thường gọi là Út Gà T3), thửa đất số 180 cấp cho ông S theo diện đăng ký mẹ vợ cho, biên bản lấy lời khai ông S trình bày từ đó đến giờ không được mẹ vợ cho đất, không biết bà M1 là ai và không có chuyển nhượng đất cho bà M1, cần làm rõ việc chuyển nhượng đất giữa bà M1

với ông T1. Công văn số: 5840/CNTM-KTĐC ngày 12/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T trả lời cho bà L, tại vị trí bà L yêu cầu đo đạc thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ số 43 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 và Công văn số: 7293/CNTM-ĐKCG ngày 27/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T có đính chính do lỗi đánh máy thửa đất số 480 đính chính thành thửa đất số 180 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 nên không cho bà L làm thủ tục nhận thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này. Ông S không có chuyển nhượng đất cho bà M1 nên không có việc bà M1 chuyển nhượng đất cho ông T1, cần đưa ông S, bà M1 vào tham gia tố tụng. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 252/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ L nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai chỉ có anh T có mặt; Ông T1, UBND huyện T có văn bản đề nghị vắng mặt; Ông P, bà G, chị M, anh T2 vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp quyền sử dụng đất" thụ lý, giải quyết phù hợp khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ L yêu cầu xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm số: 252/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T là người đại diện theo ủy quyền của bà L yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà L yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1 trả lại diện tích 300m^2, đất ONT, thửa đất số 2518, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 2518, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, có nguồn gốc của bà K, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/9/2002 không đo đạc thực tế. Ngày 21/4/2014, bà K lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N thửa đất số 2518, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, không đo đạc thực tế, hợp đồng được Văn phòng C chứng thực. Đến ngày 16/5/2014 bà N được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T xác nhận đăng ký biến động.

Ngày 20/12/2016 bà N chết, gia đình bà L làm thủ tục kê khai nhận di sản thừa kế. Tại Công văn số: 5840/CNTM-KTĐC ngày 12/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T trả lời cho bà L, tại vị trí bà L yêu cầu đo đạc thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ số 43 (bản đồ chính quy) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1. Tại Công văn số: 7293/CNTM-ĐKCG ngày 27/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp thông tin: Thửa đất số 480, tờ bản đồ số 43 (bản đồ chính quy) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 do lỗi kỹ thuật nên có sai sót về thông tin số thửa đất và tờ bản đồ, thông tin đúng là thửa đất số 180, tờ bản đồ số 44 (bản đồ chính quy).

Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 44, diện tích 279,9m^2 ông T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có nguồn gốc của ông Trần Thanh S do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/01/2022. Ngày 27/01/2022 ông S lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị M1 thửa đất số 180, tờ bản đồ số 44, diện tích 279,9m^2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm. Ngày 22/02/2022, bà M1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 24/3/2022, bà M1 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T1 thửa đất số 180, tờ bản đồ số 44, diện tích 279,9m^2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm. Ngày 12/4/2022, ông T1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S được thể hiện tại biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 09/12/2021 có ông Nguyễn Thanh V, ông Phan Thanh B và bà Lê Thị M1 ký giáp ranh. Khi ông S chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã giao đất cho bà M1 và khi bà M1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng đã giao đất cho ông T1 quản lý, sử dụng đất.

Tại Công văn số: 7293/CNTM-ĐKCG ngày 27/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp thông tin: Căn cứ vào hồ sơ địa chính, thửa đất số 2518, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 299) do bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc khu vực Mương lộ tiếp giáp đường H chưa được giải

thửa nên không xác định được tứ cận.

Tại Công văn số: 6581/UBND-NC ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp thông tin: Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho bà K, thửa đất số 2518, tờ bản đồ số 04, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30/9/2002, tại thời điểm cấp giấy không có đo đạc thực tế, do đó không có cơ sở để đối chiếu vị trí với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 44, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho bà M1 ngày 22/02/2022.

Tại Biên bản lấy lời khai ông S xác định nguồn gốc diện tích đất trước kia của ông Phạm Văn H (tên thường gọi ông Hai L2) đã chuyển nhượng cho ông diện tích 1.000m^2, chiều ngang 62,5m, chiều dài 16m, diện tích đất trên khi giao đất cho ông đo bằng tầm 3m; Hướng Đông giáp ông Hai T4 (ông Hai T4 đã chết); Hướng Tây giáp ông Nguyễn Văn H1; Hướng Nam giáp ông Lâm Thành D; Hướng Bắc giáp đường H. Khi ông S chuyển nhượng cho bà K diện tích 1.000m^2 chia đôi mỗi người phân nửa, giáp đường H 30m và giáp đất nhà 30m.

Tại Biên bản lấy lời khai bà K xác định ngày 21/4/2014, bà lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà N diện tích 300m^2, đất ONT, có vị trí; Hướng Đông giáp bà già của chú L3 10m; Hướng Tây giáp ông Ú Gà Tre 10m; Hướng Nam giáp mương lộ 30m; Hướng Bắc giáp đường H 30m, thửa đất số 2518, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do bà K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, lời khai của ông S và bà K về diện tích đất, người giáp ranh, vị trí thửa đất mà bà K chuyển nhượng cho bà N khác với vị trí đất bà L khởi kiện.

Hơn nữa, phần đất diện tích 300m^2 (đo đạc thực tế 246,3m^2) bà L cho rằng đất của bà là đất thổ (ONT) và thửa đất số 180 của ông T1 là nằm trùng lên diện tích đất là không phù hợp. Tại Sơ đồ đo đạc ngày 01/7/2024 của Công ty TNHH D1 xác định số đo thực tế thửa đất số 180, tờ bản đồ số 44, diện tích 246,3m^2 là đất trồng cây lâu năm không phải đất thổ (ONT). Hiện ông T1 đang sử dụng nhỏ hơn so với diện tích mà bà N nhận chuyển nhượng là 53,7m^2.

Trong quá trình giải quyết bà L trình bày từ khi bà N nhận chuyển nhượng đất thì bà L không biết do sống ở nước ngoài. Năm 2016 bà N chết đến năm 2022 bà L làm thủ tục thừa kế thì mới đến vị trí đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T là người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày ông S không có chuyển nhượng đất cho bà M1. Tại Công văn số: 5216/CNTM-ĐKCG ngày 26/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp thông tin: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với với đất của bà M1 đứng tên, có số phát hành DD 518681, số vào sổ cấp GCN CS11587, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 22/02/2022, đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 44 (bản đồ chính quy), diện tích 279,9m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông S theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 686, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/01/2022 của Văn phòng C1, nên lời trình

bày của anh T là không phù hợp.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T là người đại diện theo ủy quyền của bà L không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà L là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà L là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 252/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười. Tuy nhiên, điều chỉnh cách tuyên án cho phù hợp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà L không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mỹ L.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 252/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ L.

2.2. Ông Trần Bùi Chí T1 được tiếp tục sử dụng diện tích 279,9m^2, thửa đất số 180, tờ bản đồ số 44 (bản đồ chính quy) do ông T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 12/4/2022.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/6/2024 và Sơ đồ đo đạc ngày 01/7/2024 của Công ty TNHH D1).

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí tố tụng: Số tiền 1.884.000 đồng, bà Huỳnh Thị Mỹ L đã nộp và chi xong.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ L phải chịu 9.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền đã nộp 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0008422, ngày 25/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Bà L phải nộp tiếp 5.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011280, ngày 11/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng TT, KT & THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu: VT, TDS, HSVA (Quang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Chí Dũng